

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao - Nhân tố quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của khu vực Tây Nguyên

Trương Thị Hạnh

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Email liên hệ: hanhtt.sin@gmail.com

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tác động của biến đổi khí hậu, phát triển nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC) được xác định là hướng đi tất yếu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tây Nguyên có tiềm năng lớn để phát triển NNCNC, tạo ra những nông sản chất lượng vượt trội và có sức cạnh tranh quốc tế. Dù nhiều địa phương đã ứng dụng công nghệ hiện đại, sự phát triển vẫn thiếu đồng bộ, chưa khai thác hết lợi thế về khí hậu, đất đai và nguồn nguyên liệu. Do đó, cần triển khai các giải pháp đột phá và bền vững nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các tỉnh, tối đa hóa giá trị gia tăng và nâng tầm thương hiệu nông sản Tây Nguyên trên thị trường toàn cầu.

Từ khóa: Phát triển, nông nghiệp công nghệ cao, tăng trưởng kinh tế, Tây Nguyên

Developing high-tech agriculture - an important driver of economic growth in the Central Highlands

Abstract: In the context of international integration and the impacts of climate change, developing high-tech agriculture is identified as an inevitable direction to improve the efficiency of agricultural production, contributing to promoting economic growth. The Central Highlands has great potential to develop high-tech agriculture, creating agricultural products of outstanding quality and international competitiveness. Although many localities have applied modern technologies, the development remains uneven, has yet to fully leverage advantages in climate, land and raw materials. Therefore, breakthrough and sustainable solutions are needed to narrow the gap among provinces, maximize added value, and enhance the brand of Central Highlands agricultural products in the global market.

Keywords: Development; high-tech agriculture; economic growth; Central Highlands.

Ngày nhận bài: 31/7/2025; **Ngày phản biện:** 10/8/2025; **Ngày duyệt đăng:** 10/11/2025

1. Đặt vấn đề

Trong điều kiện hội nhập quốc tế, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước và biến đổi khí hậu toàn cầu thì NNCNC là hướng đi tất yếu của nền nông nghiệp Việt Nam nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng. NNCNC mang đến hiệu quả rõ rệt về mặt kinh tế góp phần thúc đẩy xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Với đặc tính ưu việt của NNCNC, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 về việc *phê duyệt chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUD CNC) thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020*.

Đối với khu vực Tây Nguyên, ngoài các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trước đây thì ngày 6/10/2022, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã ký ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về *phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Nhiệm vụ đặt ra là phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng, lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; phát triển công nghiệp chế biến là động lực; phát triển du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao. Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới công nghệ; chủ động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học, giống cây trồng vật nuôi, các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao, sản xuất sạch và an toàn vào sản xuất.

Trên cơ sở các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, Đảng bộ và chính quyền các tỉnh vùng Tây Nguyên cũng ban hành các chương trình, nghị quyết, quyết định về NNCNC và kết quả của NNCNC đã trở thành nhân tố quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của khu vực Tây Nguyên hiện nay.

2. Tình hình phát triển nông nghiệp công nghệ cao khu vực Tây Nguyên

NNCNC khu vực Tây Nguyên đã có sự phát triển thể hiện qua cơ cấu, diện tích ngày càng tăng, các chủ thể tham gia vào NNCNC ngày càng nhiều, nhiều khoa học công nghệ mới được áp dụng vào sản xuất, các chuỗi liên kết ngày càng đẩy mạnh trong những năm gần đây.

2.1. Phát triển về quy mô

NNCNC trên địa bàn Tây Nguyên đã có những bước phát triển. Cho đến hiện nay, chưa có số liệu thống kê toàn diện về NNCNC cho toàn vùng nhưng dựa trên các báo cáo từ các sở/ngành năm tỉnh Tây Nguyên cho thấy đến hết năm 2023, Tây Nguyên⁽¹⁾ đã có 88.443,48 ha diện tích NNUDCNC được đưa vào sử dụng. Một trong những tỉnh dẫn đầu về NNCNC đó là tỉnh Lâm Đồng với 66.873 ha (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Lâm Đồng (Sở NN&PTNT), 2024); tiếp đến là Kon Tum với 8.170,8 ha (Sở NN&PTNT tỉnh Kon Tum, 2023); Gia Lai 3.490 ha (Sở NN&PTNT Gia Lai, 2023); Đắk Nông 2.554 ha (UBND tỉnh Đắk Nông, 2024) và Đắk Lắk 1.128,68 ha (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2024). Ngoài các diện tích đã được đưa vào sử dụng thì khu vực Tây Nguyên còn đang tiếp tục mở rộng về cơ cấu, diện tích.

Lâm Đồng có diện tích NNCNC chiếm 20,4% tổng diện tích canh tác toàn tỉnh. Hiện nay, Lâm Đồng có 19 vùng NNUDCNC; hai vùng được công nhận đạt tiêu chí sản xuất NNCNC với diện tích 308 ha; 78 nghìn ha diện tích sản xuất được cấp chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, UTZ, 4C,... (Sở NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng, 2023). Nhiều diện tích sản xuất theo các tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc và mã vùng trồng. Trong các tỉnh vùng Tây Nguyên, Lâm Đồng là tỉnh dẫn đầu về NNCNC và cũng là tỉnh đạt nhiều thành tựu nhất trong lĩnh vực này.

Tiếp theo là tỉnh Kon Tum, tỉnh đã đưa vào hoạt động một khu NNUDCNC Măng Đen 170 ha và công nhận hai vùng NNUDCNC ở huyện Đắk Hà và thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông với tổng diện tích gần 8.000 ha. Một số sản phẩm NNCNC đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu. Giá trị sản xuất NNUDCNC đạt 17,16% so với tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp năm 2023. Bên cạnh trồng trọt, hiện nay trên địa bàn tỉnh có 0,8 ha nuôi trồng thủy sản có ứng dụng công nghệ cao tại huyện Kon Plông (nuôi cá nước lạnh), sản lượng hàng năm ước đạt khoảng 15 tấn (Sở NN&PTNT tỉnh Kon Tum, 2023). Tỉnh đã triển khai ứng dụng công nghệ sinh học trong việc gieo ươm cây giống lâm nghiệp; ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám trong quản lý rừng, điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, cảnh báo nguy cơ cháy rừng; ứng dụng máy đục khắc gỗ 3D trong sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ.

Tỉnh Gia Lai xác định NNUDCNC là một trong ba thế mạnh được ưu tiên phát triển và mời gọi đầu tư. Từ đầu năm 2021, chính sách ưu đãi phát triển NNCNC của tỉnh thu hút được hai nhà đầu tư lớn là Tập đoàn THACO (tỉnh Quảng Nam) và Hoàng Anh Gia Lai đầu tư Dự án chăn nuôi bò thịt của THAGRICO tại xã Ia Púch, huyện Chư Prông có quy mô 35.000 con, công suất nuôi 140.000 con/năm với tổng vốn đầu tư khoảng 1.993 tỷ đồng; Dự án chăn nuôi lợn thịt kết hợp chăm sóc và phát triển cây cao su của Hoàng Anh Gia Lai Agrico ở xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, quy mô 160.000 con, công suất nuôi 400.000 con/năm với tổng vốn đầu tư hơn 2.000 tỷ đồng. Đến năm 2022, Dự án Tổ hợp NNUDCNC DHN Gia Lai được ký kết giữa Hà Lan với tập đoàn Hùng Nhơn có tổng vốn đầu tư khoảng 1.030 tỷ đồng, quy mô sử dụng đất khoảng 100 ha (Sở NN&PTNT tỉnh Gia Lai, 2023). Đây là dự án thứ tư trong tổ hợp NNUDCNC DHN tại Việt Nam của hai tập đoàn, chuyên sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao theo chuỗi khép kín⁽²⁾. Bên cạnh đó, tỉnh Gia Lai còn ưu tiên thu hút đầu tư gồm: Dự án khu NNUDCNC tại huyện Đắk Đoa quy mô 459,04 ha, tổng vốn đầu tư 1.490 tỷ đồng; Dự án đầu tư xây dựng khu NNUDCNC tại thành phố Pleiku, quy mô ba giai đoạn, diện tích 100 ha với tổng vốn đầu tư 500 tỷ đồng,... Đến nay, tỉnh Gia Lai đã hình thành 18 vùng sản xuất có tính chất công nghệ cao⁽³⁾ với tổng diện tích gần 3.490 ha, tập trung vào các sản phẩm chính như: bơ, sầu riêng, thanh long, ớt, hồ tiêu, cà phê, rau, hoa, dược liệu,... (Sở NN&PTNT tỉnh Gia Lai, 2023).

Đắk Nông có bốn vùng sản xuất NNUDCNC sản xuất hồ tiêu, cà phê và lúa với tổng diện tích 2.434 ha. Trong đó, vùng cà phê có tổng diện tích 335 ha, với 186 hộ nông dân ở các thôn Thuận Hạnh, Đức An và HTX Công Bằng Thuận An tham gia sản xuất đã áp dụng các quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, 4C, UTZ...; vùng sản xuất lúa tại xã Buôn Choánh (Krông Nô) có diện tích gần 550 ha; hai vùng sản xuất hồ tiêu huyện Đắk Song thuộc xã Thuận Hà (416 ha) và Thuận Hạnh (1.133 ha) (UBND tỉnh Đắk Nông, 2024). Ngoài bốn vùng nói trên, tỉnh đã xây dựng Khu NNUDCNC tại thành phố Gia Nghĩa với diện tích trên 120 ha. Đây là một điểm đến lý tưởng đã và đang đón nhiều "ông lớn" đến đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp.

Bên cạnh đó, toàn tỉnh có trên 140 tổ chức/cá nhân được chứng nhận sản xuất theo các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) hoặc tương đương với tổng diện tích trên 21.000 ha (Trang Thông tin điện tử Nông thôn mới – tỉnh Đắk Nông, 2021). Tỉnh được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý “Đắk Nông” cho sản phẩm hạt tiêu. Đây là chỉ dẫn địa lý đầu tiên của tỉnh Đắk Nông. Với một tỉnh có vùng sản xuất tiêu lớn nhất cả nước có diện tích trên 33.000 ha, sản lượng trên 60.000 tấn/năm thì chỉ dẫn này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Đắk Lắk đã hình thành nhiều khu, vùng NNUDCNC quy mô lớn, tiêu biểu là Khu NNUDCNC Xuân Thiện Cư M'gar (107,6 ha, vốn đầu tư 705,6 tỷ đồng) và Khu tổ hợp chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao DHN (45,07 ha), vùng NNUDCNC xã Ea Tân, huyện Krông Năng quy mô 450 ha. Khu Xuân Thiện tập trung nghiên cứu, sản xuất giống chất lượng cao; xây dựng mô hình NNUDCNC; chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản; kết hợp du lịch sinh thái, đào tạo nguồn nhân lực. Dự án dự kiến mỗi năm cung cấp 155 nghìn tấn thịt lợn chế biến, 568 nghìn tấn sản phẩm từ rau, củ, quả; 1 triệu tấn thức ăn chăn nuôi; 600 nghìn tấn phân vi sinh; 2,2 triệu cây giống; cùng tổng đàn 45.600 lợn nái, 1 triệu lợn thịt và 170 nghìn lợn giống, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2024).

Bên cạnh đó, khu vực Tây Nguyên còn có nhiều dự án lớn đang và sẽ triển khai sớm đưa vào sử dụng. Năm 2024, Lâm Đồng đang thẩm định hai vùng sản xuất cà phê 600 ha ứng dụng công nghệ cao các xã Lộc Đức (huyện Bảo Lâm), Hòa Bắc (huyện Di Linh); có 14 doanh nghiệp được chứng nhận là doanh nghiệp NNUDCNC. Tại xã Đạ Sar, huyện Lạc Dương đang xây dựng Khu NNUDCNC Lâm Đồng với quy mô 221,32 ha, nguồn vốn đầu tư 1.096 tỷ đồng (HĐND tỉnh Lâm Đồng, 2024). Khu NNCNC này được đánh giá là một trong 10 khu NNCNC lớn nhất của cả nước và sẽ hoàn thành đi vào hoạt động ổn định vào cuối năm 2025.

Kon Tum dự báo sẽ hình thành thêm ba vùng NNCNC tại huyện Ia H'Drai (chăn nuôi gia súc, cá nước ngọt) quy mô 2.000 ha; huyện Tu Mơ Rông (được liệu, chăn nuôi gia súc) với quy mô 500 ha và thành phố Kon Tum (rau, củ, quả, hoa...) quy mô 1.000 ha; mở rộng vùng NNCNC huyện Đắk Hà lên 1.000 ha, vùng NNCNC huyện Kon Plông lên 10.000 ha; khuyến khích phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và cơ sở hỗ trợ sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Sở NN&PTNT tỉnh Kon Tum, 2023).

Ở Đắk Lắk, Khu tổ hợp chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao DHN (liên doanh giữa Tập đoàn De Heus (Hà Lan) và Tập đoàn Hùng Nhon (Tp. Hồ Chí Minh) đầu tư với tổng vốn là 66 triệu USD, tương đương 1.500 tỷ đồng, hoàn thiện và đưa vào sử dụng cuối năm 2025. UBND tỉnh Đắk Lắk cho biết: Tổ hợp có quy mô sử dụng đất khoảng 200 ha, trong đó khu trang trại chăn nuôi lợn giống có diện tích khoảng 80 ha với 2.500 con được chọn lọc và nhập khẩu trực tiếp từ Hà Lan. Ngoài ra, còn có khu trang trại nuôi gà giống 30 ha; nhà máy giết mổ heo thịt và sản xuất phân bón 15 ha; khu điều hành và hỗ trợ dịch vụ khoảng 20 ha. Tổ hợp còn có khu canh tác theo hướng hữu cơ và đất trồng cây xanh 30 ha; đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật 25 ha (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2024). Sau khi hoàn thành, dự án sẽ tạo ra nguồn cung cấp heo giống chất lượng cao cho khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, với công suất chăn nuôi 2.500 con lợn cụ kỵ và ông bà, cung cấp cho thị trường khoảng 25.000 con lợn bố mẹ và lợn hậu bị, đồng thời tạo ra cơ hội việc làm cho gần 300 lao động tại địa phương, nâng cao thu nhập và đời sống cho bà con.

Hai tỉnh còn lại là Gia Lai và Đắk Nông cũng đang có nhiều chương trình, dự án NNCNC. Cụ thể, tỉnh Gia Lai đặt mục tiêu đến năm 2030, định hướng phát triển lên 33 vùng NNCNC, đồng thời công nhận từ 8 đến 10 doanh nghiệp đạt chứng nhận sản xuất NNUDCNC (Đinh Sỹ Tạo, 2025). UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển vùng NNUDCNC trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035, theo đó giai đoạn 2026-2030 sẽ hình thành và phát triển thêm 20 vùng NNUDCNC, nâng tổng số vùng lên 43 vùng vào năm 2030, đưa giá trị sản lượng NNCNC đến năm 2030 chiếm từ 35 - 40% trong giá trị sản xuất nông nghiệp của tỉnh và ít nhất có 10 doanh nghiệp ứng dụng NNCNC (UBND tỉnh Đắk Nông, 2019).

Nhìn chung, diện tích NNCNC ở khu vực Tây Nguyên ngày càng mở rộng, đồng thời cơ cấu cây trồng, vật nuôi ngày càng phong phú hơn. Nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới được đưa vào sử dụng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

2.2. Đa dạng hóa chủ thể trong nông nghiệp công nghệ cao

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ngoài các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực này như Công ty Dalat Hasfarm; Công ty TNHH Hoa Mặt Trời; Công ty TNHH Công nghệ Sinh học F1,... còn

có 12 doanh nghiệp; 31 HTX; 59 trang trại sản xuất NNCNC; 154/253 doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư sản xuất NNCNC; 05 doanh nghiệp được chứng nhận canh tác hữu cơ và 21 doanh nghiệp, trang trại ứng dụng công nghệ thông minh sử dụng hệ thống cảm biến kết nối vạn vật (IoT), big data,... (Sở NN&PTNT tỉnh Lâm Đồng, 2024). Đặc biệt, ở thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận, nhiều hộ đồng bào dân tộc thiểu số cũng đã đầu tư các công nghệ cao như nhà kính, nhà lưới, hệ thống tưới, biện pháp canh tác an toàn,... Tỉnh Gia Lai cũng có các tập đoàn lớn như THACO và Hoàng Anh Gia Lai, bên cạnh đó còn có 32 HTX NNUDCNC trong lĩnh vực sản xuất, nuôi trồng. Nhiều HTX nông nghiệp liên kết với người dân và doanh nghiệp sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, mở ra hướng phát triển kinh tế nông thôn bền vững (Sở NN&PTNT tỉnh Gia Lai, 2023). Tỉnh Đắk Nông có trên 250 tổ chức, doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình đầu tư vào NNCNC với tổng số vốn 2.600 tỷ đồng. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 60 cơ sở được chứng nhận VietGAP và liên kết sản xuất với tổng diện tích trên 465 ha; Đắk Lắk cũng chú trọng xây dựng các liên kết trong lĩnh vực nông nghiệp. Theo kế hoạch 121/KH-UBND về phát triển kinh tế tập thể, HTX, năm 2024 có khoảng 145 HTX nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tiêu thụ nông sản, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp và HTX, phần đầu có khoảng 265 HTX nông nghiệp liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị; Kon Tum có 21 doanh nghiệp, 01 HTX, 03 trang trại, 25 hộ cá thể sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Bên cạnh đó, tỉnh có 11 doanh nghiệp, HTX, trang trại được cấp chứng nhận VietGAP cho 01 vùng sản xuất lúa gạo đỏ, hỗ trợ 15 tổ chức, cá nhân làm mã QR Code truy xuất nguồn gốc sản phẩm (Sở NN&PTNT tỉnh Kon Tum, 2023).

2.3. Sự phát triển và đa dạng hóa các công nghệ trong sản xuất

Hiện nay, nhiều tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại đã được ứng dụng mạnh mẽ vào sản xuất nông nghiệp tại khu vực Tây Nguyên. Các chủ thể sản xuất áp dụng công nghệ thông minh như hệ thống cảm biến kết nối vạn vật (IoT), big Data, blockchain; sử dụng camera giám sát sinh trưởng cây trồng, cảm biến môi trường, nhà kính tự động điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, tưới tiêu. Chẳng hạn, tại Lâm Đồng, nông dân ứng dụng hệ thống nhà kính điều khiển từ xa bằng smartphone, tích hợp cảm biến khí hậu và phần mềm SCADA giúp tự động hóa toàn bộ quy trình sản xuất rau, hoa cao cấp. Tại Đắk Lắk, các HTX cả phê ứng dụng cảm biến đo độ ẩm đất, hệ thống tưới thông minh và phần mềm theo dõi mùa vụ giúp giảm chi phí, nâng năng suất rõ rệt.

Công nghệ nhân giống in vitro, đèn LED chiếu sáng nông nghiệp, GIS dự báo sâu bệnh và truy xuất nguồn gốc điện tử cũng được nhiều địa phương triển khai. Đơn cử, ở Đắk Nông, một số vùng trồng hồ tiêu đã áp dụng công nghệ QR truy xuất nguồn gốc, sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt nhập từ Israel và phần mềm quản lý quy trình canh tác đạt tiêu chuẩn GlobalGAP. Kon Tum và Gia Lai bước đầu triển khai UAV bay giám sát rừng trồng, ứng dụng cảm biến vi khí hậu và công nghệ giám sát độ ẩm, EC nước thoát trên cây dược liệu, sâm Ngọc Linh, đồng thời một số doanh nghiệp tại Tây Nguyên cũng đã áp dụng giải pháp blockchain để truy xuất minh bạch hồ tiêu hữu cơ xuất khẩu.

Bên cạnh đó, các HTX trong vùng đẩy mạnh công nghệ bảo quản nông sản sau thu hoạch, công nghệ sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi, dây chuyền chế biến – đóng gói – dán mã QR, phần mềm bán hàng điện tử. Những công nghệ nhập khẩu tiên tiến như hệ thống CILEME (Hà Lan), cảm biến từ Đài Loan, Italia, giải pháp giống hoa TMS của Pháp hay bộ điều khiển RATA IoT-3G/4G trong nước đang ngày càng phổ biến, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và xây dựng thương hiệu nông nghiệp Tây Nguyên.

2.4. Phát triển chuỗi liên kết

Các chuỗi liên kết trong sản xuất ngày càng được đẩy mạnh, nhiều mô hình du lịch canh nông; nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn được hình thành và có bước phát triển mới. Theo báo cáo của các tỉnh khu vực Tây Nguyên, đến hết năm 2024, trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 234 chuỗi liên kết, trong đó có 112 chuỗi liên huyện, 122 chuỗi liên xã; có 135 dự án/kế hoạch hỗ trợ chuỗi liên kết (dự án) gồm 44 dự án cấp tỉnh và 91 dự án cấp huyện đã thu hút, hợp tác hàng chục nghìn hộ nông dân liên kết; có 36 điểm du lịch canh nông (trong đó có 4 điểm du lịch canh nông đạt tiêu chí quốc tế). Các doanh nghiệp như công ty Dalat Hasfarm, công ty cổ phần chè Cầu Đất Đà Lạt, công ty TNHH Long Đình, công ty TNHH Trường Hoàng, công ty TNHH trang trại Langbiang, công ty cổ phần sinh học rừng hoa Đà Lạt, công ty TNHH Đà Lạt GAP, Trung tâm nghiên cứu khoai tây, rau và hoa Đà Lạt, hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp tổng hợp An Phú, trang

trại Định farm... trở thành hạt nhân liên kết các hộ sản xuất tạo nên chuỗi sản xuất áp dụng công nghệ số trong quy trình sản xuất nông nghiệp thông minh (Phạm S, 2020). Cũng như vậy, ở Gia Lai cũng đã hình thành 21 chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, trong đó có 15 chuỗi liên kết sản xuất các loại cây trồng và 06 chuỗi liên kết chăn nuôi (Sở NN&PTNT tỉnh Gia Lai, 2023). Ở Kon Tum, riêng lĩnh vực chăn nuôi đã xây dựng được 34 chuỗi liên kết giá trị. Đắk Nông hiện có 65 liên kết thuộc 09 ngành hàng, trong đó cà phê có 25 liên kết, hồ tiêu có 09 liên kết, trái cây 14 liên kết và chăn nuôi 05 liên kết. Đắk Lắk có 114 chuỗi liên kết, trong đó có 06 chuỗi liên kết cấp tỉnh, 106 chuỗi cấp huyện và 02 chuỗi cấp xã. Ngoài ra, có khoảng 10 chuỗi do doanh nghiệp và người dân tự liên kết (UBND tỉnh Đắk Lắk, 2024).

Việc tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết đã mang lại kết quả vượt trội so với diện tích bên ngoài cả về năng suất, sản lượng, chất lượng và giá trị sản phẩm, đồng thời giúp hình thành vùng sản xuất lớn, tăng tỷ lệ cơ giới hóa, tăng năng suất lao động, ổn định được đầu ra cho sản phẩm. Các doanh nghiệp cũng chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, HTX, tổ hợp tác và hộ nông dân để xây dựng chuỗi liên kết bền vững.

3. Tác động của nông nghiệp công nghệ cao đến tăng trưởng kinh tế của khu vực Tây Nguyên

Sự đóng góp của NNCNC trên địa bàn Tây Nguyên đã có tác động đến hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, làm thay đổi sự tăng trưởng kinh tế của khu vực, thể hiện qua sản lượng sản phẩm nông nghiệp, năng suất lao động, chỉ số phát triển tổng sản phẩm. Tổng sản phẩm bình quân đầu người tăng lên qua các năm, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng cũng theo chiều hướng tích cực.

3.1. Tác động đến sản lượng sản phẩm nông nghiệp. Vấn đề diện tích lớn sẽ cho sản lượng lớn là điều không thể phủ nhận. Tuy nhiên, việc áp dụng NNCNC đã tạo ra sản lượng vượt trội và chất lượng đảm bảo là điểm nổi bật đối với nông nghiệp Tây Nguyên. So về sản lượng với cả nước, cà phê Tây Nguyên chiếm 94,8%, cao su chiếm 22,1%, hồ tiêu chiếm 68,6%. Một số cây ăn quả tăng nhanh, sầu riêng chiếm tới 43,1% diện tích và 36,3% sản lượng, bơ chiếm tới 78,1% diện tích và 81,9% sản lượng. Cùng với đó, Tây Nguyên là vùng sản xuất chanh leo lớn nhất cả nước, chiếm trên 70% diện tích (Chương Phụng, 2021). Có những sản phẩm chủ lực của Tây Nguyên đã tham gia chuỗi giá trị và thương mại toàn cầu nhờ đáp ứng được yêu cầu về nguồn cung ứng cũng như chất lượng sản phẩm theo tiêu chí của thị trường, có thể truy xuất được nguồn gốc, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cho địa phương và quốc gia, tạo thêm công ăn việc làm cho một số bộ phận dân cư và cơ hội khởi nghiệp cho doanh nghiệp địa phương, trên cơ sở hình thành các thị trường sản phẩm có giá trị gia tăng mới.

3.2. Tác động đến hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích. Việc áp dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp ở khu vực Tây Nguyên đã cho những kết quả hết sức tốt đẹp và có tác động đến tăng trưởng kinh tế, không chỉ đối với từng tỉnh trên địa bàn Tây Nguyên mà còn có tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế chung của khu vực. Hiệu quả kinh tế mà NNCNC mang lại vượt trội so với sản xuất thông thường gấp nhiều lần. Điều đó được chứng minh qua sản xuất NNCNC tại các tỉnh, cụ thể như sau:

Điển hình như tỉnh Lâm Đồng, với diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 20,4% tổng diện tích canh tác toàn tỉnh nhưng giá trị ước đạt trên 40% giá trị sản xuất ngành trồng trọt của tỉnh. Giá trị sản xuất bình quân đơn vị diện tích canh tác đạt 400 triệu đồng/ha/năm, cao hơn giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích canh tác chung toàn tỉnh 220 triệu đồng/ha/năm. Nhiều mô hình áp dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ IoT đạt hiệu quả cao với doanh thu đạt trên 3 tỷ đồng/ha/năm. Đặc biệt, một số doanh nghiệp có doanh thu từ 5 - 8 tỷ đồng/ha/năm; hoa cao cấp 24 tỷ đồng/ha/năm (Sở NN&PTNN tỉnh Lâm Đồng, 2023). Đây là một con số rất ấn tượng trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh Lâm Đồng. Tỉnh Kon Tum có doanh thu trong sản xuất NNCNC đối với một số loại cây trồng tăng đáng kể: 1,3 – 1,5 tỷ đồng/ha/năm, cá biệt có những loại cây trồng trong nhà kính (ớt chuông) doanh thu trung bình tăng đến 2,5 – 2,8 tỷ đồng/năm so với khi chưa ứng dụng công nghệ cao (50 đến 200 triệu đồng/năm) (Sở NN&PTNT tỉnh Kon Tum, 2023). Tại tỉnh Gia Lai, các loại cây trồng như bơ, sầu riêng, thanh long, ớt, hồ tiêu, cà phê, rau, hoa, dược liệu... có năng suất cao hơn từ 30 đến 70% so với sản xuất thông thường (Sở NN&PTNN tỉnh Gia Lai, 2023). Tại Đắk Nông, cà phê, lúa, hồ tiêu áp dụng công nghệ cao có năng suất cao hơn từ 2 đến 3 lần so với sản xuất truyền thống (UBND tỉnh Đắk Nông, 2024).

3.3. Tác động đến năng suất lao động tăng dần qua các năm: Xử lý và thống kê số liệu từ Niên giám thống kê khu vực Tây Nguyên năm 2023 cho thấy, năng suất lao động chung của vùng Tây Nguyên là 72,2 triệu đồng/người/năm (năm 2018) tăng lên 103,6 triệu đồng/người/năm (năm 2022), trong đó tỉnh Kon Tum tăng từ 64,9 triệu đồng/người/năm lên 95,9 triệu đồng/người/năm; tỉnh Gia Lai tăng từ 65,7 triệu đồng/người/năm lên 91,6 triệu đồng/người/năm; tỉnh Đắk Lắk tăng từ 65,6 triệu đồng/người/năm lên 97,0 triệu đồng/người/năm; Đắk Nông tăng từ 73,0 triệu đồng/người/năm lên 102,4 triệu đồng/người/năm; Lâm Đồng tăng từ 91,4 triệu đồng/người/năm lên 130,7 triệu đồng/người/năm. Như vậy, năng suất lao động của các tỉnh Tây Nguyên đều tăng qua các năm dẫn đến năng suất chung của vùng cũng có sự tăng lên đáng kể. Điều này phản ánh sự cải thiện về hiệu quả sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực và là dấu hiệu cho thấy các chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với lĩnh vực sản xuất nông nghiệp trong vùng đang phát huy hiệu quả, trong đó NNCNC đóng vai trò quan trọng.

3.4. Tác động đến chỉ số phát triển tổng sản phẩm (GRDP) khu vực Tây Nguyên

Tổng hợp số liệu từ Niên giám thống kê của khu vực Tây Nguyên cho thấy, GRDP khu vực Tây Nguyên có sự biến đổi theo chiều hướng tích cực so với giá so sánh năm 2010, cụ thể như sau:

Bảng 1: Chỉ số phát triển tổng sản phẩm khu vực Tây Nguyên

Tỉnh	Chỉ số phát triển tổng sản phẩm (%)		Tăng (%)
	Năm 2018	Năm 2022	
Kon Tum	108,3	109,9	1,6
Gia Lai	107,2	107,2	0,3
Đắk Lắk	106,4	108,2	1,8
Đắk Nông	106,4	106,7	0,2
Lâm Đồng	107,6	111,0	3,4

(Nguồn: Tổng hợp và xử lý số liệu từ Niên giám thống kê các tỉnh Tây Nguyên)

Bảng trên cho thấy GRDP của khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2018 -2022 có xu hướng tăng ổn định. Tác động của NNCNC đến chỉ số GRDP khu vực Tây Nguyên thể hiện rõ qua mức tăng trưởng của các tỉnh từ năm 2018 đến 2022. Lâm Đồng dẫn đầu với mức tăng 3,4%, phản ánh hiệu quả từ việc áp dụng rộng rãi NNCNC trong sản xuất rau, hoa, và chăn nuôi bò sữa. Đắk Lắk và Kon Tum cũng ghi nhận mức tăng lần lượt là 1,8% và 1,6%, gắn với việc mở rộng mô hình tưới thông minh, nhà kính và công nghệ số. Trong khi đó, Gia Lai và Đắk Nông có mức tăng thấp hơn (dưới 0,3%) cho thấy mức độ ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế, chưa tạo ra động lực rõ nét cho tăng trưởng GRDP. Điều này cho thấy phát triển NNCNC là nhân tố góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng, song hiệu quả còn phụ thuộc vào mức độ đầu tư và ứng dụng thực tiễn tại từng địa phương.

3.5. Tác động đến tổng sản phẩm bình quân đầu người cũng tăng lên qua các năm. Xử lý số liệu từ Niên giám thống kê của khu vực Tây Nguyên cho thấy, tỉnh Kon Tum năm 2018 có chỉ số phát triển là 37,8 triệu đồng/người/năm thì đến năm 2022 là 54 triệu đồng/người/năm. Cũng như vậy, tỉnh Gia Lai có tổng sản phẩm bình quân đầu người từ 39,3 triệu đồng/người/năm lên 53,3 triệu đồng/người/năm; tỉnh Đắk Lắk từ 39,1 triệu đồng/người/năm lên 57,3 triệu đồng/người/năm; tỉnh Đắk Nông từ 44 triệu đồng/người/năm lên 59,4 triệu đồng/người/năm; tỉnh Lâm Đồng từ 56 triệu đồng/người/năm lên 77,8 triệu đồng/người/năm. Như vậy, có thể thấy đối với địa bàn Tây Nguyên, đến năm 2022 tổng sản phẩm bình quân đầu người cao nhất là Lâm Đồng, tiếp đến là Đắk Nông, Đắk Lắk, Kon Tum, Gia Lai. Sự tăng lên nội bộ của các tỉnh dẫn đến sự tăng lên về tổng sản phẩm bình quân đầu người của vùng Tây Nguyên, tăng từ 43,4 triệu đồng/người/năm (năm 2018) lên 60,7 triệu đồng/người/năm (năm 2022), bình quân tăng 4.325.000 đồng/người/năm.

3.6. Tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng theo hướng tích cực và phù hợp với mô hình tăng trưởng kinh tế, tập trung vào phát triển NNCNC, thủy điện, khai khoáng, vật liệu xây dựng, chế biến nông sản xuất khẩu. Xử lý số liệu từ các báo cáo và niên giám thống kê các tỉnh Tây Nguyên cho thấy, đến năm 2022 tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP của vùng chiếm 34,56%, giảm 3,26 điểm phần trăm so với năm 2002; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 17,98%, tăng 6,4 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ chiếm 42,41%, giảm 1,26 điểm phần trăm. Tỷ trọng trong nông nghiệp giảm xuống, tạo điều kiện cho thương mại, dịch vụ và công nghiệp phát triển là sự chuyển dịch phù hợp. Mặc dù tỷ trọng trong nông nghiệp giảm xuống nhưng hiệu quả

kinh tế không ngừng tăng lên. Quy mô GRDP theo giá hiện hành của vùng Tây Nguyên đạt 287 nghìn tỷ đồng, gấp 14,1 lần năm 2002. Đóng góp của các khu vực kinh tế vào tăng trưởng tổng giá trị tăng thêm của vùng Tây Nguyên có sự khác nhau, thể hiện vai trò của từng khu vực trong quá trình phát triển kinh tế. Bình quân giai đoạn 2002-2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 2,48 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 1,8 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ đóng góp 3,85 điểm phần trăm vào tăng trưởng tổng giá trị tăng thêm toàn vùng.

Như vậy, có thể thấy rằng NNCNC đã có những đóng góp quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của khu vực Tây Nguyên. Sản lượng sản phẩm nông nghiệp vùng Tây Nguyên ngày càng tăng, nhiều sản phẩm đã đạt tiêu chuẩn chất lượng cao đáp ứng được thị trường khó tính ở các nước Châu Âu. Năng suất lao động cũng tăng dần và cao lên 30,9 triệu đồng/người/năm trong vòng từ năm 2018 đến năm 2022, tốc độ tăng bình quân là 6,18 triệu đồng/người/năm. Chỉ số phát triển tổng sản phẩm vùng Tây Nguyên theo giá so sánh năm 2010 cũng tăng lên đáng kể với 1,6% trong vòng 5 năm. Tổng sản phẩm bình quân đầu người cũng tăng mạnh lên 17,3 triệu đồng trong vòng 5 năm, tốc độ tăng bình quân 3,46 triệu đồng/người/năm. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng theo chiều hướng tích cực.

Với sự đóng góp của NNCNC vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng Tây Nguyên như vậy, chúng ta cũng nên có những giải pháp để thúc đẩy NNCNC vùng Tây Nguyên cho giai đoạn tiếp theo.

4. Những vấn đề đặt ra

Thứ nhất, quá trình triển khai NNCNC vẫn còn mang tính chất cục bộ, thiếu sự điều phối và liên kết giữa các tỉnh trong vùng. Mặc dù một số mô hình bước đầu cho hiệu quả, song vẫn chủ yếu ở quy mô nhỏ, manh mún, thiếu cơ chế liên kết chuỗi giá trị bền vững giữa nông dân – hợp tác xã – doanh nghiệp – nhà khoa học – nhà nước. Điều này làm hạn chế khả năng lan tỏa và hiệu quả sử dụng công nghệ cao trong toàn vùng.

Thứ hai, nguồn lực đầu tư cho NNCNC còn thiếu và yếu. Khả năng tiếp cận tín dụng của chủ thể sản xuất NNCNC gặp nhiều khó khăn do điều kiện vay khắt khe, thiếu tài sản đảm bảo, trong khi các chính sách ưu đãi chưa thực sự đi vào thực tế. Hạ tầng phục vụ nông nghiệp như giao thông nội đồng, thủy lợi, điện lưới, viễn thông, logistics, kho lạnh... chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất công nghệ cao, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa.

Thứ ba, trình độ quản lý, tổ chức sản xuất và năng lực tiếp nhận công nghệ của người dân, HTX và doanh nghiệp còn hạn chế. Việc thiếu đội ngũ cán bộ kỹ thuật, chuyên gia hỗ trợ tại chỗ khiến nhiều mô hình chưa được nhân rộng, đồng thời các dịch vụ hỗ trợ như tư vấn kỹ thuật, đầu tư, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hộ sở hữu trí tuệ còn thiếu và yếu.

Thứ tư, cơ chế, chính sách thúc đẩy NNCNC tuy đã được ban hành nhưng còn chồng chéo, thiếu đồng bộ giữa các ngành, các cấp. Chính quyền một số địa phương chưa thực sự chủ động trong hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho các dự án, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến đất đai, thu hút đầu tư, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp.

Thứ năm, thị trường tiêu thụ sản phẩm NNCNC chưa ổn định, khâu kết nối thị trường còn yếu. Sản phẩm chưa có thương hiệu mạnh, khả năng truy xuất nguồn gốc còn hạn chế, dẫn đến khó cạnh tranh trong nước và quốc tế. Trong khi đó, việc liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học để nâng cao chất lượng giống, công nghệ sau thu hoạch, phát triển sản phẩm đặc trưng của địa phương còn chưa thực chất.

5. Một số giải pháp về phát triển nông nghiệp công nghệ cao góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực Tây Nguyên

Phát triển NNCNC tại Tây Nguyên không chỉ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp mà còn thúc đẩy tái cơ cấu ngành, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Tuy nhiên, quá trình triển khai NNCNC tại khu vực vẫn tồn tại những hạn chế. Do đó, việc đề xuất các giải pháp khả thi, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội và đặc thù sản xuất của từng địa phương là yêu cầu cấp thiết nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, đồng thời thu hẹp khoảng cách phát triển trong vùng.

Thứ nhất, thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa bốn chủ thể: nhà nông, nhà nước, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp. NNCNC đòi hỏi nguồn lực lớn và quy trình kỹ thuật cao, do đó cần huy động đồng bộ các nguồn lực, tận dụng hiệu quả vốn ngân sách và ODA để đầu tư hạ tầng. Đồng thời,

cần xây dựng các mô hình hợp tác trong sản xuất – chế biến – tiêu thụ giữa doanh nghiệp, nông dân và viện/trường nhằm ổn định đầu ra, nâng cao giá trị gia tăng. Chính quyền các địa phương khu vực Tây Nguyên cần có chính sách ưu đãi phù hợp để thu hút doanh nghiệp đầu tư theo mô hình liên kết chuỗi, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho nông sản đặc trưng của vùng.

Thứ hai, đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, có năng suất và sức cạnh tranh cao. Cần quy định rõ trách nhiệm của chính quyền các cấp trong việc tuyên truyền, vận động người dân thực hiện dồn điền đổi thửa, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng về lợi ích của mô hình này. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện đồng bộ các chính sách liên quan đến đất đai, thuế, tín dụng, thị trường lao động, khoa học công nghệ và môi trường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ nông dân liên kết sản xuất hiệu quả. Việc chuyển đổi quyền sử dụng đất cần được hỗ trợ bằng cơ chế tài chính phù hợp (đo đạc, chỉnh lý hồ sơ, cấp giấy chứng nhận), cùng với sự tham gia tích cực của chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn để bảo đảm tính đồng bộ và hiệu quả trong triển khai.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực phục vụ NNCC thông qua đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật và tham quan thực tế các mô hình sản xuất tiên tiến. Cần ưu tiên đào tạo nghề ứng dụng công nghệ cao cho lao động nông thôn, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp theo mô hình “vừa đào tạo, vừa thực hành, vừa tuyển dụng”. Đồng thời, cần có chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút chuyên gia đầu ngành và tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu cho cán bộ quản lý, kỹ thuật và doanh nghiệp. Song song với đó, cần phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ NNCC như tư vấn kỹ thuật, pháp lý, tài chính, bảo hiểm, cung ứng vật tư, thiết bị. Bên cạnh nguồn nhân lực, việc đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tại các vùng sản xuất chuyên canh, lựa chọn cây trồng phù hợp và xây dựng mô hình sản xuất theo quy mô hợp lý là cơ sở để triển khai hiệu quả các chính sách, quy hoạch và nhân rộng mô hình NNCC tại các tỉnh Tây Nguyên.

Thứ tư, một trong những khó khăn hiện nay của các doanh nghiệp, HTX và các hộ nông sản xuất kinh doanh NNCC là nguồn vốn hạn hẹp. Chính vì vậy, nhà nước cần tháo gỡ rào cản về vốn cho các doanh nghiệp, HTX và hộ nông dân đầu tư vào NNCC bằng cách ban hành cơ chế hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục tín dụng, công nhận tài sản trên đất làm tài sản thế chấp, đồng thời hỗ trợ lập kế hoạch kinh doanh và trả nợ theo kỳ nhằm hạn chế nợ xấu. Bên cạnh đó, cần tạo hành lang pháp lý và cơ chế khuyến khích thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các dự án NNCC tại Tây Nguyên. Việc này cần gắn với chính sách khuyến khích tích tụ đất đai, gia hạn quyền sử dụng đất phù hợp với thời gian đầu tư, cùng với ưu đãi về thuế, phí chuyển nhượng đất nông nghiệp giữa hộ dân và doanh nghiệp, HTX. Đây là điều kiện quan trọng để thúc đẩy dòng vốn đầu tư dài hạn, quy mô lớn vào lĩnh vực NNCC khu vực Tây Nguyên.

Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao khoa học – công nghệ phục vụ phát triển NNCC tại Tây Nguyên. Chính quyền các tỉnh cần triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, HTX và nông dân để họ tiếp cận, lựa chọn và ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp như: công nghệ giống, công nghệ tự động hóa, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ số, nông nghiệp sạch và hữu cơ. Đồng thời, cần thúc đẩy liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học nhằm nghiên cứu, chế tạo thiết bị phù hợp với điều kiện thực tiễn của vùng. Phát triển hệ sinh thái dịch vụ công nghệ cao đi kèm, bao gồm tư vấn kỹ thuật, đầu tư, pháp lý, tài chính, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ, tiêu thụ sản phẩm,... Nhà nước cũng cần có chính sách giảm thuế và ưu đãi lãi suất vay cho các doanh nghiệp nhập khẩu thiết bị, máy móc phục vụ NNCC. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao hiệu quả, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Tây Nguyên trong bối cảnh hội nhập.

6. Kết luận

Tây Nguyên sở hữu những lợi thế hiếm có về đất đai, khí hậu và nguồn nguyên liệu, tạo nền tảng thuận lợi để phát triển NNCC gắn với nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của nông sản. Thời gian qua, nhiều địa phương đã ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, hình thành mô hình sản xuất hiện đại và hiệu quả. Tuy nhiên, sự phát triển còn thiếu đồng bộ, chưa tương xứng với tiềm năng, khoảng cách giữa các tỉnh, sự hạn chế về vốn, công nghệ, nhân lực và liên kết chuỗi giá trị vẫn là rào cản lớn. Trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập sâu rộng, việc xây dựng các giải pháp mang tính đột phá, khả thi và bền vững không chỉ là yêu cầu cấp thiết để thu hẹp khoảng cách phát triển mà còn

là chìa khóa để đưa nông sản Tây Nguyên vươn lên nhóm sản phẩm chất lượng cao, có thương hiệu mạnh trên thị trường quốc tế, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế quốc gia.

Chú thích:

(1) Các địa danh, dữ liệu nghiên cứu sử dụng trong bài báo từ trước ngày 31/7/2025 (thời điểm cả nước có 63 tỉnh/thành phố).

(2) Bao gồm: chọn lọc, sản xuất lợn giống, gà giống; nhà máy giết mổ lợn tự động; sản xuất thức ăn chăn nuôi theo hướng hữu cơ; sản xuất phân bón hữu cơ và thương mại các sản phẩm chăn nuôi.

(3) Trong số này, có 14 vùng trồng cây ăn quả; 01 vùng trồng hồ tiêu giống và thương phẩm; 01 vùng trồng cà phê được chứng nhận theo tiêu chuẩn Organic USDA; 01 vùng sản xuất giống rau, hoa và 01 vùng sản xuất dược liệu. Nông sản của địa phương được tiêu thụ rộng khắp trong và ngoài nước.

Ghi chú: Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp Bộ năm 2025 - 2026 “Quá trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vùng Tây Nguyên từ năm 2012 đến năm 2025” (MSNV: KHXXH/NV/2025 - 136) theo Hợp đồng số 210/HĐKH-KHXXH ngày 31 tháng 12 năm 2024 do Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên (nay là Viện KHXXH vùng Trung Bộ và Tây Nguyên) chủ trì, TS. Trương Thị Hạnh là chủ nhiệm nhiệm vụ.

Tài liệu tham khảo

- Chi cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk. (2020). *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Chi cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk. (2024). *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Lắk*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Chi cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng. (2020). *Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Chi cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng. (2024). *Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Chi cục Thống kê tỉnh Đắk Nông. (2020). *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Chi cục Thống kê tỉnh Đắk Nông. (2024). *Niên giám thống kê tỉnh Đắk Nông*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Chi cục Thống kê tỉnh Gia Lai. (2020). *Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Chi cục Thống kê tỉnh Gia Lai. (2024). *Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Chi cục Thống kê tỉnh Kon Tum. (2020). *Niên giám thống kê tỉnh Kon Tum*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- Chi cục Thống kê tỉnh Kon Tum. (2024). *Niên giám thống kê tỉnh Kon Tum*. Nxb. Thống kê. Hà Nội.
- HĐND tỉnh Lâm Đồng. (2024). Nghị quyết số 55/NQHĐND ngày 08/12/2024 về việc thông qua Đề án thành lập Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lâm Đồng. Đà Lạt.
- Chương Phương. (2021). *Nông nghiệp Tây Nguyên phát triển tùy tiện*. Truy xuất từ <https://vneconomy.vn/nong-nghiep-tay-nguyen-phat-trien-tuy-tien.htm>, ngày 10/7/2023.
- Phạm S (2020). Kinh tế tư nhân Lâm Đồng phát triển nông nghiệp thông minh 4.0 nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và chủ động hội nhập quốc tế. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp quốc gia Kinh tế tư nhân vùng Tây Nguyên hiện nay – Rào cản và giải pháp*, Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên và UBND tỉnh Lâm Đồng tổ chức ngày 04/12/2020, Lâm Đồng.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum. (2023). Báo cáo số 725/BC-SNNPTNN, ngày 15 tháng 12 năm 2023 về Thực hiện phát triển NNCNC trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng. (2024). Báo cáo số 932/BC-SNN, ngày 13 tháng 11 năm 2024 về Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2023.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng. (2024). Báo cáo số 946/BC-SNN, ngày 9 tháng 12 năm 2024 về Chương trình phát triển NNCNC trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai. (2023). Báo cáo số 523/BC-SNNPTNN ngày 25 tháng 9 năm 2023 về các chương trình, dự án và kết quả thực hiện chương trình NNCNC trên địa bàn tỉnh.
- Đinh sỹ Tạo. (2025). *Gia Lai đẩy mạnh thu hút đầu tư nông nghiệp công nghệ cao*. Truy xuất từ <https://nhandan.vn>, ngày 08/01/2025.
- UBND tỉnh Đắk Nông. (2019). Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc Ban hành kế hoạch thực hiện Đề án phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.
- UBND tỉnh Đắk Nông. (2024). Báo cáo số 124/BC-UBND ngày 05 tháng 1 năm 2024, Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.
- UBND tỉnh Đắk Lắk. (2024). Dự án đầu tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Trang Thông tin điện tử Nông thôn mới – tỉnh Đắk Nông. (2021). Những lợi thế nông nghiệp Đắk Nông. Truy xuất tại <http://nongthonmoi.daknong.gov.vn>, ngày 30/6/2023.